

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG THÔNG QUA PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Tóm tắt

Việc đánh giá hiệu quả tài chính của doanh nghiệp cung cấp những thông tin tài chính quan trọng hỗ trợ cho việc ra quyết định của các nhà quản lý doanh nghiệp và các đối tượng sử dụng thông tin tài chính khác. Bằng phương pháp phân tích các nhóm chỉ tiêu tài chính trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp, bài báo đánh giá hiệu quả tài chính của công ty cổ phần TNG về cơ cấu tài sản và nguồn vốn, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, khả năng hoạt động và đòn bẩy tài chính. Qua phân tích cho thấy, hiệu quả tài chính của TNG tương đối tốt với đa số chỉ số tài chính đạt và vượt ngưỡng an toàn, có giá trị tốt hơn một số doanh nghiệp cùng ngành. Bên cạnh đó, TNG còn tồn tại một số chỉ số tài chính chưa đảm bảo. Để nâng cao hiệu quả tài chính của doanh nghiệp, tác giả đã đề xuất một số giải pháp.

Từ khóa: báo cáo tài chính, chỉ tiêu tài chính, TNG, hiệu quả tài chính.

EVALUATING TNG INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY'S FINANCIAL EFFECTIVENESS THROUGH THE ANALYSIS OF FINANCIAL STATEMENTS

Abstract

Evaluating enterprises' financial effectiveness provides important financial information that supports the decision-making process of corporate managers and other financial information users. By analyzing the groups of financial indicators in the financial statements of the enterprise, the paper evaluates financial effectiveness in terms of asset and capital structures, profitability, solvency, operating ability and financial leverage. The analysis shows that the financial effectiveness of TNG is relatively good with most financial indicators guaranteed, with better value than some enterprises in the same industry. Besides, TNG still has some unsecured financial indicators. To improve the financial effectiveness of the enterprise, the author has proposed a number of solutions.

Keywords: financial statements, financial indicators, TNG, financial effectiveness.

JEL classification: G; G3; G32.

1. Đặt vấn đề

Hiệu quả tài chính của doanh nghiệp là một vấn đề được tất cả các nhà đầu tư cũng như các đối tượng sử dụng thông tin tài chính bên trong và bên ngoài doanh nghiệp quan tâm. Việc đánh giá hiệu quả tài chính có vai trò quan trọng và mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp nói chung và công ty TNG nói riêng như: giúp cho doanh nghiệp có thể quản lý tài chính một cách hiệu quả và tối ưu hóa các nguồn vốn; giúp cho nhà đầu tư đưa ra quyết định đầu tư hợp lý và tránh các rủi ro không cần thiết; giúp cho doanh nghiệp có thể định hướng phát triển lâu dài và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả; tạo độ tin tưởng giữa doanh nghiệp với nhà đầu tư, khách hàng và cổ đông... Mặc dù việc đánh giá hiệu quả tài chính có vai trò quan trọng và mang lại nhiều

lợi ích cho doanh nghiệp nhưng công ty TNG chưa thực hiện đánh giá hiệu quả tài chính.

Đánh giá hiệu quả tài chính doanh nghiệp có thể được tiến hành bằng nhiều phương pháp khác nhau. Đánh giá hiệu quả tài chính thông qua phân tích báo cáo tài chính là một phương pháp được nhiều đối tượng ưu tiên lựa chọn. Phân tích báo cáo tài chính là phương pháp phân tích tình hình tài chính dựa trên cơ sở phân tích các nhóm chỉ tiêu tài chính trong các báo cáo tài chính của doanh nghiệp (Nguyễn Ngọc Quang, 2016). Hay nói một cách khác, phân tích báo cáo tài chính là quá trình xem xét, kiểm tra, đối chiếu và so sánh số liệu về tài chính trong kỳ hiện tại với các kỳ sản xuất kinh doanh đã qua (Nguyễn Văn Công, 2019).

Để có cái nhìn toàn diện và đánh giá một cách chính xác hiệu quả tài chính của doanh nghiệp, bài báo này sẽ tiến hành phân tích từ khái quát đến chi tiết các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính của công ty cổ phần TNG. Từ đó, đánh giá sức mạnh và tiềm lực tài chính của doanh nghiệp, giúp cho các nhà đầu tư đưa ra quyết định đầu tư thông minh cũng như giúp các nhà quản lý lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và dự báo được những rủi ro về tài chính trong tương lai của doanh nghiệp.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Những năm gần đây, có khá nhiều nghiên cứu về việc đánh giá hiệu quả tài chính của doanh nghiệp nhưng hầu hết các nghiên cứu này đánh giá một cách khái quát hoặc phiến diện về tình hình tài chính của doanh nghiệp, chưa có nghiên cứu nào đánh giá hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp thuộc ngành dệt may. Một số nghiên cứu về hiệu quả tài chính của doanh nghiệp như:

Mai Diễm Lan Hương (2017) phân tích hiệu quả tài chính có sử dụng phương pháp phân tích báo cáo tài chính của 20 doanh nghiệp nhưng việc đánh giá hiệu quả tài chính còn mang tính khái quát, không đưa ra những đánh giá chi tiết.

Trương Đông Lộc, Trần Quốc Tuấn (2009) đã đánh giá chi tiết hiệu quả tài chính của doanh nghiệp thông qua phân tích các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, tuy nhiên việc phân tích còn mang tính phiến diện, chủ yếu chỉ đánh giá hiệu quả tài chính thông qua nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời.

Nguyễn Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Hạnh Duyên (2016) chủ yếu phân tích mang tính lý thuyết các chỉ tiêu đánh giá cấu trúc và hiệu quả tài chính của doanh nghiệp nhưng không áp dụng vào một doanh nghiệp cụ thể nào.

Bài báo này thực hiện đánh giá hiệu quả tài chính bằng phương pháp phân tích các nhóm chỉ tiêu tài chính trong báo cáo tài chính của 1 doanh nghiệp thuộc ngành dệt may Việt Nam – Công ty TNG từ tổng quát (cơ cấu tài

sản và nguồn vốn) đến chi tiết (các hệ số phản ánh khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, khả năng hoạt động và đòn bẩy tài chính) nhằm đưa ra những kết quả đánh giá hiệu quả tài chính toàn diện nhất cho doanh nghiệp.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Nguồn số liệu

Bài báo sử dụng nguồn số liệu thứ cấp từ hệ thống báo cáo tài chính của các CTCP đầu tư & thương mại TNG (TNG), CTCP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công (TCM) và CTCP May Sông Hồng (MSH) trong giai đoạn 2020-2022. Ngoài ra, tác giả còn tham khảo thêm một số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Trên cơ sở đó, tác giả tổng hợp số liệu cần thiết phục vụ quá trình nghiên cứu.

3.2. Phương pháp phân tích thông tin

3.2.1. Phương pháp thống kê mô tả

Tác giả sử dụng phương pháp này để mô tả và phân tích khái quát thực trạng tài chính của TNG trong 3 năm gần đây.

3.2.2. Phương pháp tổng hợp, so sánh

Sau khi thu thập được số liệu nghiên cứu về tình hình tài chính của TNG và hai doanh nghiệp khác cùng ngành, tác giả tiến hành lập bảng thống kê để tổng hợp và so sánh số liệu. Ngoài ra tác giả còn ứng dụng phần mềm tin học Microsoft Excel và các công cụ máy tính khác để xử lý dữ liệu tài chính.

3.2.3. Phương pháp phân tích báo cáo tài chính

Tác giả tiến hành phân tích các hệ số cụ thể trong các nhóm chỉ tiêu tài chính của TNG so sánh với hai doanh nghiệp khác cùng ngành có quy mô ngang với TNG, dựa trên số liệu từ báo cáo tài chính của các doanh nghiệp này trong giai đoạn 2020-2022 để đưa ra những nhận xét và đánh giá hiệu quả tài chính của TNG.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Đánh giá cơ cấu tài sản và nguồn vốn của TNG giai đoạn 2020-2022

Xét về cơ cấu đầu tư tài sản, từ số liệu ở bảng 1 cho thấy: TNG cơ cấu tài sản khá cân đối trong giai đoạn 2020-2022 (tài sản ngắn

hạn chiếm 46,4-48,1% còn tài sản dài hạn chiếm 51,9-53,6%). Về giá trị, tài sản ngắn hạn tăng mạnh vào năm 2022 (tăng 29,1% so với năm 2021), tài sản dài hạn tăng mạnh vào năm 2021 (tăng 26,32% so với năm 2020). Tổng tài sản của doanh nghiệp trong năm 2021 tăng 22,84% và năm 2022 tăng cao hơn 24,6%.

Xét về cơ cấu nguồn vốn: Nợ phải trả luôn chiếm tỷ trọng trên 66% tổng nguồn vốn. Năm 2021 nợ phải trả chiếm tỷ trọng 66,5% tổng

nguồn vốn tăng 20,69% so với năm 2020, đến năm 2022 nợ phải trả chiếm tỷ trọng 67,1% tổng nguồn vốn tăng 25,6% so với năm 2021. Giai đoạn này, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng trên 32% tổng nguồn vốn của doanh nghiệp, năm 2020, 2021 và 2022 chỉ tiêu này chiếm tỷ trọng lần lượt là 32,3%; 33,5% và 32,9% tổng nguồn vốn. Năm 2021 vốn chủ sở hữu tăng 27,35% so với năm 2020 còn năm 2022 nguồn vốn này tăng 22,4% so với năm 2021.

Bảng 1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn của TNG giai đoạn 2020-2022 (Đvt: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		2021/ 2020	2022/ 2021
	Số tiền	(%)	Số tiền	(%)	Số tiền	(%)	(%)	(%)
TỔNG TÀI SẢN	3.555	100	4.367	100	5.440	100	22,84	24,6
- Tài sản ngắn hạn	1.701	47,8	2.026	46,4	2.616	48,1	19,11	29,1
- Tài sản dài hạn	1.854	52,2	2.342	53,6	2.824	51,9	26,32	20,6
- Nợ phải trả	2.407	67,7	2.905	66,5	3.650	67,1	20,69	25,6
- Vốn chủ sở hữu	1.148	32,3	1.462	33,5	1.790	32,9	27,35	22,4

Nguồn: Báo cáo tài chính của TNG giai đoạn 2020-2022 và tính toán của tác giả

Xét về tổng thể ta thấy: giá trị các chỉ tiêu tài chính quan trọng thể hiện cơ cấu tài sản và nguồn vốn của TNG trong giai đoạn 2020-2022 đều tăng, điều đó cho thấy tình hình tài chính của TNG tương đối ổn định qua các năm và có chiều hướng phát triển

tốt. Tuy nhiên, cơ cấu nguồn vốn của TNG chưa cân đối, nguồn vốn chủ sở hữu luôn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

4.2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2022

Bảng 2. Doanh thu và lợi nhuận của TNG giai đoạn 2020-2022 (Đvt: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	2021/2020 (%)	2022/2021 (%)
Doanh thu BH&CCDV	4.480	5.446	6.778	21,56	24,46
Doanh thu thuần	4.480	5.444	6.778	21,52	24,50
Lợi nhuận gộp	676	727	1.005	7,54	38,24
Doanh thu hoạt động tài chính	34	60	98	76,47	63,33
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	201	288	371	43,28	28,82
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	186	281	358	51,08	27,40
Lợi nhuận ròng	154	232	292	50,65	25,86

Nguồn: Báo cáo tài chính của TNG giai đoạn 2020-2022 và tính toán của tác giả

Dựa vào bảng 2, ta có thể phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNG trong giai đoạn 2020-2022 thể hiện qua các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận như sau:

Doanh thu bán hàng, doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của TNG đều tăng nhưng tăng mạnh nhất trong năm 2022. Năm 2022 so với năm 2021, doanh thu bán hàng & CCDV và

doanh thu thuần tăng trên 24%, lợi nhuận gộp tăng 38,24%.

Các chỉ tiêu lợi nhuận thuần, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận ròng và doanh thu tài chính trong giai đoạn này đều tăng cao nhưng tăng mạnh nhất vào năm 2021: lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 43,28%, lợi nhuận trước thuế tăng 51,08% và lợi nhuận

ròng tăng 50,65%, doanh thu tài chính tăng 76,47% so với năm 2020.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của TNG tăng mạnh trong giai đoạn này là do từ năm 2021 TNG tập trung vào khai thác các khách hàng FOB bán lẻ, khách hàng dịch chuyển đơn hàng từ các nước bị ảnh hưởng nặng bởi dịch bệnh Covid 19 sang Việt Nam. Đồng thời, TNG áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất lao động bằng việc áp dụng các máy móc tự động, máy lập trình, chuyên môn hóa và tự động hóa các công đoạn sản xuất, ứng dụng công nghệ 4.0 trên hệ thống App online của TNG,...

Bảng 3. Phân tích các nhóm chỉ tiêu tài chính của TNG, TCM và MSH giai đoạn 2020-2022

Chỉ tiêu	TNG			TCM			MSH		
	2020	2021	2022	2020	2021	2022	2020	2021	2022
Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời									
- Suất sinh lợi tổng tài sản ROA (%)	4,68	5,86	5,95	9,36	4,38	7,93	8,93	15,16	10,45
- Suất sinh lợi vốn chủ sở hữu ROE (%)	13,91	17,78	17,96	18,02	8,60	15,24	17,33	30,10	21,04
- Suất sinh lợi doanh thu thuần ROS (%)	3,44	4,26	4,31	7,95	4,07	6,48	6,08	9,31	6,12
- LN trên mỗi cổ phiếu EPS (đồng)	2.254	2.913	2.780	3.775	1.700	2.898	4.635	8.846	4.996
Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán									
- Hệ số thanh toán hiện hành (lần)	1,48	1,50	1,49	2,22	1,90	2,32	2,22	1,88	2,11
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	0,93	0,83	0,90	1,42	1,34	1,65	1,69	1,63	1,86
- Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,07	0,01	0,18	0,42	0,32	0,48	0,82	0,55	1,11
- Hệ số thanh toán nợ dài hạn (lần)	3,25	5,11	3,87	14,73	8,96	7,04	-	4,01	3,11
- Hệ số thanh toán lãi vay (lần)	2,84	3,25	3,00	13,25	10,37	12,29	19,87	55,30	13,85
Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động									
- Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	4,75	4,98	5,56	3,65	2,86	3,19	5,99	6,11	7,28
- Số ngày tồn kho (ngày)	76	72	65	99	126	113	60	59	49
- Vòng quay khoản phải thu (vòng)	10,62	9,04	10,4	15,12	14,49	15,9	9,01	8,62	10,56
- Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	34	40	35	24	25	23	40	42	34
- Vòng quay TSLĐ (vòng)	2,72	2,92	2,92	2,04	1,71	1,92	1,93	2,11	2,30
- Vòng quay TSCĐ (vòng)	3,79	3,96	4,09	3,34	3,69	4,41	6,74	9,00	8,23
- Vòng quay tổng tài sản (vòng)	1,36	1,37	1,38	1,18	1,07	1,22	1,47	1,63	1,71
- Vòng quay Vốn CSH (vòng)	4,05	4,17	4,17	2,27	2,11	2,35	2,85	3,23	3,44
Nhóm chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính									
- Hệ số Nợ (lần)	0,68	0,67	0,67	0,45	0,53	0,43	0,45	0,53	0,47
- Hệ số Nợ trên Vốn CSH (lần)	2,17	2,23	2,24	0,87	1,13	0,81	0,89	1,16	0,97
- Hệ số tự tài trợ (lần)	0,32	0,33	0,33	0,55	0,47	0,57	0,55	0,47	0,53

Nguồn: Báo cáo tài chính của TNG, TCM, MSH giai đoạn 2020-2022 và tính toán của tác giả

4.3.1. Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng khả năng sinh lời của TNG (bảng 3) cho thấy: Tỷ suất sinh lợi tổng tài sản (ROA) đạt giá trị trong

4.3. Đánh giá hiệu quả tài chính thông qua phân tích các nhóm chỉ tiêu tài chính

Để có thể đánh giá hiệu quả tài chính của TNG một cách chi tiết và khách quan hơn, chúng ta sẽ phân tích các nhóm chỉ tiêu tài chính cụ thể có so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành. CTCP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công (TCM) và CTCP May Sông Hồng (MSH) là hai doanh nghiệp dệt may lớn tại Việt Nam có quy mô ngang tầm CTCP TNG. Tác giả sẽ tiến hành phân tích và so sánh các hệ số trong các nhóm chỉ tiêu tài chính quan trọng để đánh giá được hiệu quả tài chính của TNG so với các doanh nghiệp cùng ngành.

khoảng 4,68-5,95% có nghĩa là 100 đồng tài sản tạo ra trên 4,68-5,95 đồng lợi nhuận ròng. Chỉ số này cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản tốt. Tỷ suất sinh lợi vốn chủ sở hữu (ROE) trong giai đoạn này trong khoảng 13,91-

17,96% là khá cao thể hiện hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu tốt, điều này có nghĩa là 100 đồng vốn chủ sở hữu tạo ra 13,91-17,96 đồng lợi nhuận ròng. Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần (ROS) giai đoạn này có xu hướng tăng dần và đều đạt giá trị trong khoảng 3,44-4,31% cho thấy trong 100 đồng doanh thu thuần thu được thì có 3,44-4,31 đồng lợi nhuận ròng. Chỉ tiêu này cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng chi phí của doanh nghiệp tốt. Xét chỉ số lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) của TNG: Chỉ số lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu EPS các năm 2020, 2021, 2022 lần lượt đạt giá trị là: 2254 đồng; 2913 đồng; 2780 đồng. Như vậy, qua bảng 3 chúng ta có thể thấy nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời của TNG tăng đều trong giai đoạn 2020-2022.

So với các doanh nghiệp cùng ngành như TCM và MSH chúng ta thấy:

Các chỉ số sinh lời ROA, ROE, ROS và EPS của TNG đều thấp hơn MSH trong giai đoạn 2020-2022. So với TCM, các chỉ số sinh lời của TNG năm 2020 đều thấp hơn nhưng sang năm 2021 các chỉ số sinh lời của TNG đều cao hơn, còn năm 2022 chỉ số ROE và EPS của TNG cao hơn TCM nhưng chỉ số ROA và ROS của TNG lại thấp hơn TCM. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy hầu hết các chỉ số sinh lời của TNG đều có xu hướng tăng dần qua các năm còn TCM và MSH các chỉ số sinh lời có xu hướng không ổn định: các chỉ số này của TCM năm 2020 có giá trị cao nhất, năm 2021 giảm mạnh, năm 2022 tăng lên nhưng không cao bằng năm 2020; các chỉ số sinh lời của MSH có đạt giá trị cao nhất vào năm 2021, năm 2022 các chỉ số này lại giảm xuống khá nhiều.

Qua phân tích và so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành, các chỉ số trong nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời ta thấy: nhìn chung, giá trị các chỉ số phản ánh khả năng sinh lời của TNG tương đối ổn định và có xu hướng tăng dần qua các năm thể hiện sự tăng trưởng và phát triển tốt về khả năng sinh lời của TNG trong 3 năm gần đây. Tuy nhiên, giá trị các chỉ

số sinh lời của TNG không phải ở mức cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

4.3.2. Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán (bảng 3), chúng ta thấy được đa số các hệ số khả năng thanh toán của công ty ở mức tốt và tương đối ổn định.

Cụ thể là khả năng thanh toán hiện hành của công ty năm 2020 bằng 1,48 hay 1 đồng nợ phải trả được đảm bảo bằng 1,48 đồng tài sản. Khả năng thanh toán hiện hành các năm 2021, 2022 lần lượt là 1,5 và 1,49 đều tốt. Chi tiết chúng ta thấy khả năng thanh toán nợ dài hạn và khả năng thanh toán lãi vay đều lớn hơn 1 cho thấy khả năng thanh toán nợ dài hạn và lãi vay của công ty tốt. Tuy nhiên, khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty có giá trị nhỏ hơn 1 và hệ số khả năng thanh toán nhanh của công ty có giá trị rất thấp nhỏ hơn 0,2 chứng tỏ khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty chưa đảm bảo và khả năng thanh toán nhanh của công ty khá yếu.

So với các doanh nghiệp cùng ngành như TCM và MSH chúng ta thấy: các chỉ số về khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nợ dài hạn và lãi vay của TNG đảm bảo. Các hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn thấp hơn và khả năng thanh toán nhanh của TNG rất thấp thể hiện khả năng thanh toán của TNG trong ngắn hạn chưa đảm bảo, khả năng thanh toán nhanh của TNG khá yếu do TNG dự trữ rất ít tiền mà tập trung gần như toàn bộ tiền vào đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Điều đó cho thấy trong giai đoạn 2020-2022 rủi ro về khả năng thanh toán nhanh của TNG rất lớn.

4.3.3. Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động

Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động (bảng 3) cho thấy: Vòng quay hàng tồn kho trong giai đoạn 2020-2022 khá cao, cao hơn TCM nhưng thấp hơn MSH. Năm 2022 có vòng quay hàng tồn kho cao nhất là 5,56 vòng/năm. Vòng quay nhanh tạo ra nhiều lợi

nhuận, giảm chi phí, giảm hao hụt về tồn đọng vốn. Chính vì vậy mà số ngày tồn kho của công ty luôn đảm bảo trong khoảng 65-76 ngày. Số ngày tồn kho của TNG nhỏ hơn rất nhiều so với TCM nhưng cao hơn MSH. Vòng quay các khoản phải thu nằm trong khoảng 9,04-10,62 vòng/năm làm cho kỳ thu tiền khá ngắn từ 34 đến 40 ngày. Các chỉ số này đều tốt so với các doanh nghiệp cùng ngành. Nếu vòng quay các khoản phải thu quá lớn, kỳ thu tiền bình quân quá nhỏ như TCM cũng không phải là tốt vì nó thể hiện chính sách thu nợ khách hàng của doanh nghiệp quá chặt chẽ, nhiều khách hàng sẽ khó khăn trong việc thanh toán do không quay vòng vốn kịp thời. Điều đó cho thấy: vòng quay các khoản phải thu và kỳ thu tiền bình quân của TNG tương đối tốt.

Vòng quay của tài sản lưu động, tài sản cố định, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của TNG đều lớn hơn 1. Vòng quay tài sản lưu động, tài sản cố định và vòng quay tổng tài sản của TNG ở mức trung bình, tương đương TCM và MSH. Tuy nhiên, vòng quay vốn chủ sở hữu của TNG cao hơn TCM và MSH cho thấy hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu của TNG tốt và ở mức cao so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành.

Như vậy, qua phân tích chúng ta thấy: trong giai đoạn 2020-2022 các chỉ số phản ánh khả năng hoạt động của TNG đều tốt và có chiều hướng ngày càng tốt hơn, hiệu quả sử dụng tài sản của TNG ở mức trung bình còn hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu của TNG ở mức cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

4.3.4. Phân tích nhóm chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính

Phân tích nhóm chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính (bảng 3) cho thấy: Hệ số nợ của công ty trong giai đoạn này luôn có giá trị 0,67-0,68 có ý nghĩa là 1 đồng giá trị tài sản được tài trợ bằng 0,67-0,68 đồng nợ. Chỉ tiêu này cũng cho thấy: giai đoạn 2020-2022, nợ phải trả luôn chiếm tỷ trọng khoảng 67-68% tổng nguồn vốn. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của TNG có giá trị dao động trong khoảng 2,17-2,24 cho

thấy nợ phải trả luôn có giá trị cao gấp đôi vốn chủ sở hữu, tài sản của doanh nghiệp được tài trợ chủ yếu bằng nợ phải trả. Hệ số tự tài trợ của công ty trong giai đoạn này dao động trong khoảng 0,32 – 0,33. Hệ số này của TNG khá thấp, vốn chủ sở hữu chiếm 33% tổng nguồn vốn. Hệ số này thể hiện khả năng tự chủ, mức độ độc lập về mặt tài chính của doanh nghiệp không cao. So với các doanh nghiệp cùng ngành như TCM và MSH chúng ta thấy hệ số nợ và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cao hơn rất nhiều. Như vậy, với cấu trúc vốn của công ty trong giai đoạn này là Nợ phải trả 67-68% và Vốn chủ sở hữu 32-33%. TNG có khả năng sinh lời khá cao, điều đó cho thấy doanh nghiệp sử dụng vốn vay rất hiệu quả, đem lại cho công ty nhiều doanh thu và lợi nhuận hay mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính của TNG tốt.

Qua phân tích các nhóm chỉ tiêu tài chính của TNG trong giai đoạn 2020-2022, chúng ta thấy được: so với các doanh nghiệp cùng ngành như TCM và MSH, nói chung tình hình tài chính của TNG ổn định và tăng trưởng khá tốt với các chỉ tiêu tài chính quan trọng đều tăng ở mức cao qua các năm. Điều đó cũng cho thấy hiệu quả tài chính của TNG tương đối tốt, sức mạnh tài chính thể hiện rõ ở sự gia tăng các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận, khả năng thanh toán và khả năng hoạt động cơ bản đảm bảo, TNG cũng phát huy tốt đòn bẩy tài chính. Tuy nhiên, cơ cấu nguồn vốn của công ty chưa cân đối; khả năng tự chủ, độc lập về tài chính của công ty không cao; khả năng thanh toán nợ ngắn hạn chưa đảm bảo đặc biệt là khả năng thanh toán nhanh của TNG khá yếu.

4.4. Một số giải pháp đề xuất

4.4.1. Huy động thêm vốn cổ phần và các nguồn vốn tài trợ

Theo phân tích ở trên cho thấy: hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp khá cao trong khi cơ cấu nguồn vốn chưa cân đối, nợ phải trả có giá trị gấp đôi vốn chủ sở hữu. Việc huy động vốn cổ phần làm gia tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Khi nguồn vốn chủ sở hữu đủ lớn góp phần nâng cao mức độ độc

lập về tài chính của công ty và đảm bảo sự cân đối trong cơ cấu nguồn vốn. Điều đó cũng giúp công ty không phải vay ngân hàng nhiều, giảm chi phí lãi vay và hạn chế rủi ro tài chính. Qua phân tích cho thấy suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE) và vòng quay vốn chủ sở hữu của TNG khá cao và tăng mạnh qua các năm chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu là rất tốt. Vì vậy, vốn chủ sở hữu càng lớn hứa hẹn mang lại càng nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, TNG có các hệ số về khả năng thanh toán nợ dài hạn và khả năng thanh toán lãi vay khá cao vì vậy doanh nghiệp có thể huy động thêm các nguồn vốn tài trợ như vốn vay dài hạn với lãi suất hợp lý để mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư vào các dự án lớn có thời gian đầu tư và thu hồi vốn lâu dài.

4.4.2. Nâng cao năng lực thanh toán ngắn hạn đặc biệt là khả năng thanh toán nhanh

TNG cần chủ động hơn trong việc nắm giữ các tài sản mang tính thanh khoản cao như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, chứng khoán kinh doanh. TNG nên áp dụng thêm một số giải pháp như: tăng cường thu nợ ngắn hạn, thanh lý hàng tồn kho (đặc trưng của các doanh nghiệp dệt may là nhiều hàng tồn kho) để thu tiền về. Nếu những việc đó được thực hiện sẽ giúp TNG tăng được khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán ngắn hạn. Doanh nghiệp có thể áp dụng một số chính sách giảm giá, chiết khấu đối với khách hàng thanh toán đúng hạn, khách hàng mua nhiều sản phẩm hay khách hàng mua các sản phẩm lỗi mốt.

4.4.3. Mở rộng thị trường tiêu thụ

Là một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực may mặc. Qua kết quả phân tích ở trên, chúng ta thấy: TNG có các tỷ suất

sinh lời đều cao và có xu hướng tăng dần. TNG có thể tận dụng lợi thế này mở thêm nhiều chi nhánh, cửa hàng, đại lý ở các tỉnh thành trong cả nước và đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước trên thế giới. TNG cần nâng cao chất lượng sản phẩm để đảm bảo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế. Trước hết, TNG cần đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước trong khu vực và trên thế giới bằng hình thức quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, mở một số văn phòng đại diện, cửa hàng tại các trung tâm thương mại, hội chợ,... Việc mở rộng thị trường tiêu thụ giúp TNG khẳng định năng lực và nâng cao đẳng cấp của mình trên thị trường, đồng thời mang lại nhiều doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp.

5. Kết luận

Việc đánh giá hiệu quả tài chính của công ty TNG trong giai đoạn 2020-2022 thông qua phân tích các nhóm chỉ tiêu trong báo cáo tài chính giúp chúng ta đánh giá được hiệu quả tài chính của doanh nghiệp tương đối tốt với đa số các chỉ tiêu tài chính khả quan và có xu hướng tăng đều qua các năm. Tuy nhiên, kết quả phân tích cũng cho thấy: giai đoạn này TNG có cơ cấu nguồn vốn chưa cân đối; vốn chủ sở hữu có tỷ trọng thấp, khả năng thanh toán ngắn hạn chưa đảm bảo đặc biệt là khả năng thanh toán nhanh khá yếu, một số chỉ tiêu tài chính so với các doanh nghiệp cùng ngành chưa cao,... Để nâng cao hiệu quả tài chính trong thời gian tới hơn nữa, TNG nên áp dụng thêm một số giải pháp như: Huy động thêm vốn cổ phần và các nguồn vốn tài trợ; Nâng cao năng lực thanh toán ngắn hạn đặc biệt là khả năng thanh toán nhanh; Mở rộng thị trường tiêu thụ,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Báo cáo tài chính của các CTCP TNG, CTCP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công (TCM), CTCP May Sông Hồng (MSH) các năm 2020, 2021, 2022. Truy cập ngày 15/02/2022. Từ <https://tng.vn>, <https://thanhcong.com.vn>, <http://www.songhong.vn>

- [2]. Nguyễn Văn Công. (2019). *Phân tích báo cáo tài chính*. Hà Nội: Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [3]. Mai Diễm Lan Hương. (2017). *Phân tích hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài ở tỉnh Khánh Hòa*. Tạp chí công thương. Truy cập ngày 10/02/2021. Từ <http://tapchicongthuong.vn>
- [4]. Trương Đông Lộc, Trần Quốc Tuấn. (2009). *Phân tích hiệu quả tài chính của các cơ sở chế biến tơ xơ dừa ở tỉnh Trà Vinh*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Truy cập ngày 15/01/2023. Từ <http://sj.ctu.edu.vn>
- [5]. Nguyễn Ngọc Quang. (2016). *Phân tích báo cáo tài chính*. Hà Nội: Nxb Tài chính.
- [6]. Nguyễn Năng Phúc. (2013). *Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp*. Hà Nội: Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [7]. Nguyễn Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Hạnh Duyên. (2016). *Chỉ tiêu đánh giá cấu trúc và hiệu quả tài chính của doanh nghiệp*. Tạp chí tài chính. Truy cập ngày 10/02/2021. Từ <http://tapchitaichinh.vn>
- [8]. <https://tng.vn>

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền Thông
Thái Nguyên

- Địa chỉ email: ntttthuy.thkt@ictu.edu.vn

Ngày nhận bài: 29/3/2023

Ngày nhận bản sửa: 17/5/2023

Ngày duyệt đăng: 26/6/2023